

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập
Học kỳ I, năm học 2023-2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG

Căn cứ Nghị quyết số 103/NQ-HĐT, ngày 21/8/2023 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động tạm thời của Trường Đại học An Giang;

Căn cứ Quyết định số 443/QĐ-ĐHAG, ngày 19/3/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học An Giang về việc ban hành “Quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập trong đào tạo đại học hình thức đào tạo chính quy” từ năm học 2023-2024 đến năm học 2024 - 2025;

Căn cứ Bảng phân bổ quỹ học bổng đại học chính quy năm học 2023-2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học An Giang đối với sinh viên đại học chính quy các khoa;

Căn cứ Biên bản số 539/BB-ĐHAG ngày 17/4/2024 về việc họp Hội đồng xét học bổng khuyến khích học tập học kỳ I, năm học 2023-2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I năm học 2023 - 2024 cho 653 sinh viên thuộc các khoa: Kinh tế - Quản trị Kinh doanh, Nông nghiệp - Tài nguyên Thiên nhiên, Ngoại ngữ, Kỹ thuật - Công nghệ - Môi trường, Công nghệ thông tin, Du lịch & Văn hóa - Nghệ thuật, Sư phạm, Luật và Khoa học chính trị, với tổng số tiền là 4.694.325.000 đồng (danh sách kèm theo).

Điều 2. Mức học bổng theo khoản 2, Điều 4 của Quyết định số 443/QĐ-ĐHAG, ngày 19/3/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học An Giang.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo, Khảo thí – Đảm bảo chất lượng, Công tác Sinh viên, Kế hoạch – Tài vụ, các đơn vị liên quan và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, CTSV.

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
AN GIANG
Võ Văn Thắng

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	ĐHT	ĐRL	TCT L	XL	1 Tháng	5 Tháng	Ghi Chú
HỆ ĐẠI HỌC KHOA KINH TẾ - QTKD											
1	DKT202264	Võ Như Hào	22/11/2002	DH21KT1	9.00	93.00	16	XS	1,500,000	7,500,000	Nhóm III
2	DKT208560	Lê Thị Cẩm Linh	16/01/2002	DH21KT1	8.66	82.75	16	G	1,375,000	6,875,000	
3	DKT202255	Lê Thị Ngọc Giàu	03/05/2002	DH21KT1	8.51	88.00	16	G	1,375,000	6,875,000	
4	DKT208557	Trần Nguyễn Kim Hoàn	08/07/2002	DH21KT1	8.01	90.13	16	G	1,375,000	6,875,000	
5	DKT202464	Nguyễn Thị Minh Thư	06/05/2002	DH21KT1	7.99	70.13	16	K	1,250,000	6,250,000	
6	DKT202360	Đỗ Thị Thu Nguyệt	20/09/2002	DH21KT1	7.96	91.75	16	K	1,250,000	6,250,000	
7	DKT202281	Huỳnh Thị Ngọc Huyền	03/12/2002	DH21KT1	7.87	77.38	19	K	1,250,000	6,250,000	
8	DKT202492	Võ Thị Ngọc Trâm	19/09/2002	DH21KT2	8.76	93.63	16	G	1,375,000	6,875,000	
9	DKT202484	Nguyễn Đức Tiến	19/11/2002	DH21KT2	8.57	81.63	16	G	1,375,000	6,875,000	
10	DKT202476	Đinh Thị Mỹ Tiên	18/09/2002	DH21KT2	8.54	81.38	16	G	1,375,000	6,875,000	
11	DKT202383	Huỳnh Thị Quỳnh Như	19/09/2002	DH21KT2	8.39	97.13	16	G	1,375,000	6,875,000	
12	DKT202457	Nguyễn Ngọc Minh Thơ	02/02/2002	DH21KT2	8.25	91.38	19	G	1,375,000	6,875,000	
13	DKT202460	Diệp Minh Thư	20/08/2002	DH21KT2	8.24	97.75	16	G	1,375,000	6,875,000	
14	DKT202377	Nguyễn Thị Yến Nhi	09/01/2002	DH21KT2	8.24	90.50	16	G	1,375,000	6,875,000	
15	DMK201724	Nguyễn Phúc Đại	25/10/2002	DH21MK1	9.63	100	18	XS	1,500,000	7,500,000	
16	DMK201764	Phùng Thị Diệu Hiền	07/04/2002	DH21MK1	9.23	99.00	18	XS	1,500,000	7,500,000	
17	DMK201768	Nguyễn Thị Kim Hoàng	14/05/2002	DH21MK1	9.12	90.00	18	XS	1,500,000	7,500,000	

18	DMK201716	Huỳnh Xu Biêl	25/10/2002	DH21MK1	9.09	97.75	18	XS	1,500,000	7,500,000	
19	DMK201834	Lý Thị Kim Ngân	31/01/2002	DH21MK1	9.03	96.13	18	XS	1,500,000	7,500,000	
20	DMK201897	Trần Thị Cẩm Quyên	22/01/2002	DH21MK2	8.83	88.25	18	G	1,375,000	6,875,000	
21	DMK208316	Trần Thị Cẩm Thi	20/10/2002	DH21MK2	8.83	88.88	15	G	1,375,000	6,875,000	
22	DMK208302	Nguyễn Thái Sơn	27/12/2002	DH21MK2	8.73	99.63	21	G	1,375,000	6,875,000	
23	DMK201842	Trần Kim Ngân	11/12/2000	DH21MK2	8.68	92.50	18	G	1,375,000	6,875,000	
24	DMK208305	Dương Văn Tăng	05/12/2002	DH21MK2	8.64	94.13	18	G	1,375,000	6,875,000	
25	DNH202191	Trần Văn Hào	18/12/2002	DH21NH1	8.48	97.25	15	G	1,375,000	6,875,000	
26	DNH201921	Đặng Trí Cường	25/05/2002	DH21NH1	8.20	99.00	15	G	1,375,000	6,875,000	
27	DNH201960	Lê Minh Huấn	02/05/2002	DH21NH1	8.36	87.88	15	G	1,375,000	6,875,000	
28	DNH202042	Trương Thị Ý Nhi	05/01/2002	DH21NH1	8.13	79.50	18	K	1,250,000	6,250,000	
29	DNH202009	Nguyễn Thị Hoài Mỹ	14/12/2002	DH21NH1	7.87	76.00	18	K	1,250,000	6,250,000	
30	DNH208407	Nguyễn Ngọc Như Ý	09/02/2002	DH21NH2	8.80	91.75	15	G	1,375,000	6,875,000	
31	DNH202147	Phan Thị Phương Trang	11/06/2002	DH21NH2	8.46	93.38	15	G	1,375,000	6,875,000	
32	DNH202102	Nguyễn Thị Mỹ Thanh	19/08/2002	DH21NH2	8.00	100	15	G	1,375,000	6,875,000	
33	DNH202187	Phạm Thị Như Ý	18/02/2002	DH21NH2	7.92	90.13	15	K	1,250,000	6,250,000	
34	DNH202044	Hồ Huỳnh Như	08/07/2002	DH21NH2	7.80	79.50	15	K	1,250,000	6,250,000	
35	DQT201448	Lê Thị Ngọc Chúc	09/08/2002	DH21QT1	9.27	85.38	18	G	1,375,000	6,875,000	
36	DQT201569	Trần Hà Gia Lộc	02/06/2002	DH21QT1	8.78	96.63	18	G	1,375,000	6,875,000	
37	DQT208109	Phạm Nguyễn Ngọc Nhi	21/11/2002	DH21QT1	8.56	93.63	18	G	1,375,000	6,875,000	
38	DQT201473	Võ Quốc Dũng	13/01/2002	DH21QT1	8.27	100	18	G	1,375,000	6,875,000	
39	DQT201568	Nguyễn Mai Hữu Lộc	13/07/2002	DH21QT1	8.20	95.00	21	G	1,375,000	6,875,000	

40	DQT201476	Trần Ngọc Thùy Dương	01/08/2002	DH21QT1	8.14	83.63	18	G	1,375,000	6,875,000	
41	DQT207917	Ngô Thị Uyên Phương	19/05/2002	DH21QT2	8.90	100	18	G	1,375,000	6,875,000	
42	DQT207913	Võ Thị Ngọc Phụng	08/10/2002	DH21QT2	8.85	88.88	18	G	1,375,000	6,875,000	
43	DQT208116	Nguyễn Thị Thuỳ Trân	29/04/2002	DH21QT2	8.80	92.38	18	G	1,375,000	6,875,000	
44	DQT207937	Trần Thị Mộng Quyên	29/07/2001	DH21QT2	8.64	82.50	18	G	1,375,000	6,875,000	
45	DQT207918	Nguyễn Thị An Phương	08/12/2002	DH21QT2	8.42	83.63	18	G	1,375,000	6,875,000	
46	DQT201610	Nguyễn Kim Ngân	13/08/2002	DH21QT2	8.26	86.75	18	G	1,375,000	6,875,000	
47	DQT201410	Nguyễn Thị Yến Vy	27/06/2002	DH21QT3	9.13	92.88	18	XS	1,500,000	7,500,000	
48	DQT207958	Lê Thông Thái	07/04/2002	DH21QT3	9.03	90.88	18	XS	1,500,000	7,500,000	
49	DQT208070	Lê Hào Văn	21/02/2002	DH21QT3	8.97	85.63	18	G	1,375,000	6,875,000	
50	DQT208108	Huỳnh Thị Uyển Nhi	10/09/2002	DH21QT3	8.91	86.50	18	G	1,375,000	6,875,000	
51	DQT208096	Trần Thị Như Ý	10/02/2002	DH21QT3	8.71	97.38	18	G	1,375,000	6,875,000	
52	DQT207999	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	29/10/2002	DH21QT3	8.66	93.88	18	G	1,375,000	6,875,000	
53	DKT212947	Nguyễn Thị Kim Ngân	29/03/2003	DH22KT1	9.49	100	17	XS	1,500,000	7,500,000	
54	DKT213006	Thượng Thị Ngọc Quyền	06/01/2003	DH22KT1	9.45	100	17	XS	1,500,000	7,500,000	
55	DKT212876	Huỳnh Thị Xuân Đào	03/11/2003	DH22KT1	9.15	100	17	XS	1,500,000	7,500,000	
56	DKT213077	Nguyễn Thị Kim Xuyên	17/05/2003	DH22KT1	9.09	100	17	XS	1,500,000	7,500,000	
57	DKT213011	Mai Thành Tân	06/09/2003	DH22KT1	8.89	100	17	G	1,375,000	6,875,000	
58	DKT213037	Nguyễn Thị Bích Thy	30/07/2003	DH22KT1	8.64	82.00	17	G	1,375,000	6,875,000	
59	DKT212907	Nguyễn Thế Hoài	20/10/2003	DH22KT2	8.81	100	17	G	1,375,000	6,875,000	
60	DKT212909	Lâm Thị Kim Hồng	22/11/2003	DH22KT2	8.80	98.00	17	G	1,375,000	6,875,000	
61	DKT212965	Phan Kim Ngọc	30/10/2003	DH22KT2	8.74	100	17	G	1,375,000	6,875,000	

62	DKT213039	Ngô Thị Cẩm Tiên	09/02/2003	DH22KT2	8.74	94.38	17	G	1,375,000	6,875,000	
63	DKT212994	Lê Hoàng Phi	11/11/2003	DH22KT2	8.50	85.38	17	G	1,375,000	6,875,000	
64	DKT213053	Trần Thị Bích Trân	25/02/2003	DH22KT2	8.21	95.13	17	G	1,375,000	6,875,000	
65	DMK212209	Hứa Hoài Hân	17/07/2003	DH22MK1	8.88	100	17	G	1,375,000	6,875,000	
66	DMK212281	Nguyễn Hữu Tính	06/12/2003	DH22MK1	8.66	91.25	17	G	1,375,000	6,875,000	
67	DMK212202	Dương Thị Trúc Em	24/07/2002	DH22MK1	8.66	87.63	17	G	1,375,000	6,875,000	
68	DMK212205	Châu Nhứt Hào	25/12/2003	DH22MK1	8.58	87.38	17	G	1,375,000	6,875,000	
69	DMK212215	Nguyễn Trúc Huỳnh	22/10/2003	DH22MK2	8.88	96.13	16	G	1,375,000	6,875,000	
70	DMK212234	Huỳnh Thị Quỳnh Nga	31/12/2003	DH22MK2	8.81	95.63	17	G	1,375,000	6,875,000	
71	DMK212229	Mai Huỳnh Mai	24/11/2003	DH22MK2	8.71	98.00	16	G	1,375,000	6,875,000	
72	DMK212275	Đỗ Thị Cẩm Tiên	16/11/2003	DH22MK2	8.70	100	17	G	1,375,000	6,875,000	
73	DNH212593	Nguyễn Tâm Như	19/02/2003	DH22NH1	8.95	100	23	G	1,375,000	6,875,000	
74	DNH212638	Nguyễn Nhứt Thông	18/04/2003	DH22NH1	8.91	97.50	23	G	1,375,000	6,875,000	
75	DNH212527	Nguyễn Ngọc Huỳnh	17/04/2002	DH22NH1	8.75	100	17	G	1,375,000	6,875,000	
76	DNH212454	Phạm Ngọc Yên Trân	23/11/2003	DH22NH1	8.65	94.25	17	G	1,375,000	6,875,000	
77	DNH212436	Hồ Trúc Nhi	30/10/2003	DH22NH1	8.34	94.38	17	G	1,375,000	6,875,000	
78	DNH212677	Nguyễn Đức Trọng	09/07/2003	DH22NH1	8.07	89.5	20	G	1,375,000	6,875,000	
79	DNH212681	Ngô Thanh Tùng	19/05/2003	DH22NH2	8.96	100	17	G	1,375,000	6,875,000	
80	DNH212652	Nguyễn Tiến Thực	27/04/2003	DH22NH2	8.58	82.00	17	G	1,375,000	6,875,000	
81	DNH212690	Phan Thị Tường Vi	27/01/2003	DH22NH2	8.51	97.13	17	G	1,375,000	6,875,000	
82	DNH212461	Đỗ Thị Phương Anh	05/04/2003	DH22NH2	8.08	92.13	17	G	1,375,000	6,875,000	
83	DNH212586	Nguyễn Thị Yên Nhi	29/08/2003	DH22NH2	8.58	75.38	17	K	1,250,000	6,250,000	

84	DNH212675	Son Thị Tuyết Trinh	04/05/2002	DH22NH2	7.99	79.25	20	K	1,250,000	6,250,000	
85	DQT211726	Quách Phương Nghi	11/03/2001	DH22QT1	8.88	100	18	G	1,375,000	6,875,000	
86	DQT211739	Trần Thị Kim Oanh	12/05/2001	DH22QT1	8.85	95.88	18	G	1,375,000	6,875,000	
87	DQT211704	Phan Thị Mỹ Đức	18/03/2003	DH22QT1	8.64	84.50	18	G	1,375,000	6,875,000	
88	DQT211777	Trần Kim Dung	26/03/2003	DH22QT1	8.63	88.88	18	G	1,375,000	6,875,000	
89	DQT211740	Hồ Minh Phước	04/08/2003	DH22QT1	8.47	95.13	18	G	1,375,000	6,875,000	
90	DQT211915	Trần Quốc Tính	29/04/2003	DH22QT1	8.41	96.13	18	G	1,375,000	6,875,000	
91	DQT211802	Nguyễn Lư Trường Khải	22/03/2003	DH22QT1	8.35	81.88	18	G	1,375,000	6,875,000	
92	DQT211845	Nguyễn Văn Ngoan	26/10/2003	DH22QT2	8.94	99.38	18	G	1,375,000	6,875,000	
93	DQT211947	Nguyễn Thị Kim Yên	12/23/2003	DH22QT2	8.82	96.75	18	G	1,375,000	6,875,000	
94	DQT211886	Hà Thanh Tấn	19/04/2003	DH22QT2	8.73	100	18	G	1,375,000	6,875,000	
95	DQT211785	Lê Thị Ngọc Hạnh	12/30/2003	DH22QT2	8.65	96.63	20	G	1,375,000	6,875,000	
96	DQT211817	Hà An Lộc	22/05/2003	DH22QT2	8.58	93.50	15	G	1,375,000	6,875,000	
97	DQT211838	Nguyễn Thu Ngân	12/25/2003	DH22QT2	8.58	89.25	18	G	1,375,000	6,875,000	
98	DQT211930	Nguyễn Phùng Thị Kim Tuyền	12/28/2003	DH22QT2	8.57	92.63	18	G	1,375,000	6,875,000	
99	DKT222081	Bùi Thị Ngọc Trâm	27/10/2004	DH23KT	8.96	100	16	G	1,375,000	6,875,000	
100	DKT222083	Nguyễn Huỳnh Bảo Trân	10/8/2004	DH23KT	8.92	99.00	15	G	1,375,000	6,875,000	
101	DKT222090	Phan Ngọc Như Ý	04/8/2004	DH23KT	8.87	100	15	G	1,375,000	6,875,000	
102	DKT222037	Nguyễn Thị Kim Ngân	16/06/2004	DH23KT	8.84	100	18	G	1,375,000	6,875,000	
103	DKT222012	Trần Thị Linh Đan	10/11/2004	DH23KT	8.80	100	18	G	1,375,000	6,875,000	
104	DKT222088	Phan Thanh Vinh	04/04/2003	DH23KT	8.79	100	15	G	1,375,000	6,875,000	
105	DKT222005	Nguyễn Thị Bảo Anh	08/05/2004	DH23KT	8.66	93.63	17	G	1,375,000	6,875,000	

106	DMK221701	Nguyễn Ngọc Tuyết Anh	24/08/2004	DH23MK	9.29	100	17	XS	1,500,000	7,500,000	
107	DMK221736	Huỳnh Thị Trúc Nhi	06/10/2003	DH23MK	8.80	93.13	15	G	1,375,000	6,875,000	
108	DMK221748	Trần Thị Tú Quyên	10/09/2004	DH23MK	8.76	91.88	17	G	1,375,000	6,875,000	
109	DMK221766	Trần Phước Thừa	18/06/2004	DH23MK	8.67	100	17	G	1,375,000	6,875,000	
110	DMK221769	Ngô Bảo Trọng	29/01/2004	DH23MK	8.65	88.38	17	G	1,375,000	6,875,000	
111	DNH221845	Đoàn Thị Lý	18/01/2004	DH23NH	9.18	95.25	19	XS	1,500,000	7,500,000	
112	DNH221883	Đỗ Ngọc Diễm Sương	19/04/2004	DH23NH	9.15	92.50	15	XS	1,500,000	7,500,000	
113	DNH221842	Hiếu Hữu Lộc	06/09/2004	DH23NH	8.91	93.50	19	G	1,375,000	6,875,000	
114	DNH221860	Lê Huỳnh Ngọc	19/06/2004	DH23NH	8.88	100	16	G	1,375,000	6,875,000	
115	DNH221907	Nguyễn Kim Trinh	05/02/2004	DH23NH	8.76	95.13	15	G	1,375,000	6,875,000	
116	DNH221916	Huỳnh Thị Mỹ Xuyên	01/02/2004	DH23NH	8.70	98.88	15	G	1,375,000	6,875,000	
117	DNH221888	Nguyễn Minh Tuấn	02/03/2004	DH23NH	8.51	94.63	15	G	1,375,000	6,875,000	
118	DNH221891	Hồ Tấn Thành	19/10/2004	DH23NH	8.41	93.00	15	G	1,375,000	6,875,000	
119	DQT221504	Lê Thị Dạ Ca	19/01/2004	DH23QT	9.24	97.13	15	XS	1,500,000	7,500,000	
120	DQT221536	Lê Thị Diễm Hương	31/05/2004	DH23QT	8.88	95.88	16	G	1,375,000	6,875,000	
121	DQT221502	Trần Huỳnh Thùy Anh	01/07/2004	DH23QT	8.79	86.50	16	G	1,375,000	6,875,000	
122	DQT221537	Trần Thị Thanh Hương	10/05/2004	DH23QT	8.74	84.25	15	G	1,375,000	6,875,000	
123	DQT221561	Trần Kim Ngân	14/02/2004	DH23QT	8.73	85.13	16	G	1,375,000	6,875,000	
124	DQT221583	Hồ Thị Như Quỳnh	11/09/2004	DH23QT	8.62	94.38	16	G	1,375,000	6,875,000	
125	DQT221622	Nguyễn Thị Kim Cương	03/01/2004	DH23QT	8.51	99.88	16	G	1,375,000	6,875,000	
126	DQT221609	Lê Thị Tú Trinh	03/05/2004	DH23QT	8.49	99.38	18	G	1,375,000	6,875,000	
127	DKT232247	Đoàn Thị Bé Ngọc	10/07/2005	DH24KT	9.14	96.88	17	XS	1,500,000	7,500,000	

128	DKT232212	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	04/09/2005	DH24KT	9.06	93.0	17	XS	1,500,000	7,500,000	
129	DKT232221	Nguyễn Thị Cẩm Hương	21/11/2005	DH24KT	9.01	100	17	XS	1,500,000	7,500,000	
130	DKT232230	Nguyễn Thị Bé Kiều	10/08/2005	DH24KT	9.26	88.13	17	G	1,375,000	6,875,000	
131	DKT232299	Đặng Nhật Trường	25/03/2005	DH24KT	8.97	85.13	17	G	1,375,000	6,875,000	
132	DKT232274	Phạm Dũng Sĩ	08/07/2005	DH24KT	8.92	89.13	17	G	1,375,000	6,875,000	
133	DKT232226	Nguyễn Quốc Khánh	16/8/2005	DH24KT	8.88	87.50	17	G	1,375,000	6,875,000	
134	DMK231856	Đào Thị Trúc Quyên	28/09/2004	DH24MK	9.46	99.38	17	XS	1,500,000	7,500,000	
135	DMK231835	Huỳnh Hồng Ngọc	28/01/2005	DH24MK	9.25	97.75	17	XS	1,500,000	7,500,000	
136	DMK231806	Nguyễn Thái Bảo	23/04/2005	DH24MK	9.25	91.38	17	XS	1,500,000	7,500,000	
137	DMK231824	Phan Thanh Huy	23/02/2005	DH24MK	9.14	98.38	17	XS	1,500,000	7,500,000	
138	DMK231844	Nguyễn Kiều Bảo Như	09/09/2005	DH24MK	9.08	100	17	XS	1,500,000	7,500,000	
139	DNH232111	Trần Thị Mỹ Trang	16/05/2005	DH24NH	9.12	93.38	17	XS	1,500,000	7,500,000	
140	DNH232018	Huỳnh Anh Duy	19/04/2005	DH24NH	9.03	87.75	17	G	1,375,000	6,875,000	
141	DNH232063	Lê Bảo Ngọc	20/11/2005	DH24NH	8.40	94.75	17	G	1,375,000	6,875,000	
142	DNH232096	Đặng Vương Huỳnh Thư	19/10/2005	DH24NH	8.32	96.75	17	G	1,375,000	6,875,000	
143	DNH232005	Trần Ngọc Trâm Anh	14/08/2005	DH24NH	8.29	82.75	17	G	1,375,000	6,875,000	
144	DNH232021	Đoàn Thương Gia	16/06/2005	DH24NH	8.01	81.25	17	G	1,375,000	6,875,000	
145	DNH232002	Nguyễn Đồng An	25/11/2005	DH24NH	8.82	68.13	17	K	1,250,000	6,250,000	
146	DQT231640	Nguyễn Thị Như Lan	26/05/2005	DH24QT	9.23	95.88	17	XS	1,500,000	7,500,000	
147	DQT231630	Phạm Thị Thanh Hương	16/02/2005	DH24QT	8.96	87.50	17	G	1,375,000	6,875,000	
148	DQT231636	Nguyễn Trinh Kim Khánh	18/03/2005	DH24QT	8.89	83.88	17	G	1,375,000	6,875,000	
149	DQT231657	Trần Kim Ngân	01/04/2005	DH24QT	8.87	91.63	17	G	1,375,000	6,875,000	

150	DQT231619	Phan Thị Ngọc Diệp	28/08/2005	DH24QT	8.87	81.38	17	G	1,375,000	6,875,000	
151	DQT231601	Nguyễn Thị Khả Ái	16/08/2005	DH24QT	8.79	88.50	17	G	1,375,000	6,875,000	
152	DQT231685	Trần Thị Thu Thảo	26/10/2005	DH24QT	8.71	93.88	17	G	1,375,000	6,875,000	
153	DKQ202582	Trần Thị Huỳnh Như	14/01/2002	DH21KQ	9.90	100	15	XS	1,440,000	7,200,000	Nhóm VII
154	DKQ202617	Hồ Văn Tới	10/10/2002	DH21KQ	9.66	95.5	15	XS	1,440,000	7,200,000	
155	DKQ202549	Nguyễn Thị Nguyên Kim	22/04/2002	DH21KQ	9.64	95.75	15	XS	1,440,000	7,200,000	
156	DKQ202646	Nguyễn Hoàng Minh Trang	07/09/2002	DH21KQ	9.34	94.25	15	XS	1,440,000	7,200,000	
157	DKQ202518	Phạm Anh Cơ	16/11/2002	DH21KQ	9.14	96.13	15	XS	1,440,000	7,200,000	
158	DKQ202504	Phó Khánh Nhi	31/10/2002	DH21KQ	9.08	100	15	XS	1,440,000	7,200,000	
159	DKQ211405	Lê Thái Thanh Thùy	31/03/2003	DH22KQ1	8.31	91.75	16	G	1,320,000	6,600,000	
160	DKQ211431	Ôn Minh Bảo Châu	25/04/2003	DH22KQ1	8.04	74.5	16	K	1,200,000	6,000,000	
161	DKQ211436	Lê Thị Phương Dung	16/02/2003	DH22KQ1	7.93	97.75	16	K	1,200,000	6,000,000	
162	DKQ211582	Huỳnh Kim Anh	10/10/2002	DH22KQ1	7.8	89.13	16	K	1,200,000	6,000,000	
163	DKQ211541	Diệp Thị Ngọc Thuần	23/12/2003	DH22KQ2	8.99	100	16	G	1,320,000	6,600,000	
164	DKQ211554	Lê Thị Ngọc Trâm	19/04/2003	DH22KQ2	8.79	90.88	16	G	1,320,000	6,600,000	
165	DKQ211441	Vũ Thị Bích Duy	20/04/2003	DH22KQ2	8.73	100	16	G	1,320,000	6,600,000	
166	DKQ211430	Trương Văn Bửu	12/06/2003	DH22KQ2	8.68	100	16	G	1,320,000	6,600,000	
167	DKQ221477	Trần Ngọc Phương Vy	24/01/2004	DH23KQ	9.23	100	17	XS	1,440,000	7,200,000	
168	DKQ221447	Nguyễn Hồng Sơn	15/8/2004	DH23KQ	9.01	100	17	XS	1,440,000	7,200,000	
169	DKQ221401	Lê Thành An	27/7/2004	DH23KQ	9.02	93.00	17	XS	1,440,000	7,200,000	
170	DKQ221431	Đào Thị Bích Ly	17/07/2004	DH23KQ	9.03	100	18	XS	1,440,000	7,200,000	
171	DKQ221479	Võ Thị Như Ý	14/01/2004	DH23KQ	8.98	100	17	G	1,320,000	6,600,000	

172	DKQ221429	Dương Cao Tấn Lộc	06/11/2004	DH23KQ	8.82	100	17	G	1,320,000	6,600,000	
173	DKQ231408	Mạc Mỹ Duyên	03/03/2005	DH24KQ	8.99	100	17	G	1,320,000	6,600,000	
174	DKQ231483	Lê Hoàng Gia Linh	15/10/2005	DH24KQ	8.95	84.75	17	G	1,320,000	6,600,000	
175	DKQ231410	Tăng Huỳnh Hân	08/03/2005	DH24KQ	8.86	95.25	17	G	1,320,000	6,600,000	
176	DKQ231476	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	24/11/2005	DH24KQ	8.86	85.38	17	G	1,320,000	6,600,000	
177	DKQ231449	Nguyễn Ngọc Phương	27/09/2005	DH24KQ	8.78	90.88	17	G	1,320,000	6,600,000	
178	DKQ231404	Lê Thị Ngọc Châu	16/03/2005	DH24KQ	8.55	90.38	17	G	1,320,000	6,600,000	

Học bổng khoa đề xuất: 1,230,800,000

HỆ ĐẠI HỌC KHOA DU LỊCH VÀ VĂN HOÁ NGHỆ THUẬT

1	DVN206532	Nguyễn Thị Ngọc Mẫn	18/01/2002	DH21VN1	8.92	89.13	16	G	1,320,000	6,600,000	Nhóm VII
2	DVN206309	Lê Bình An	20/02/2002	DH21VN1	8.61	93.00	16	G	1,320,000	6,600,000	
3	DVN206352	Nguyễn Văn Hải Đăng	20/03/2002	DH21VN1	8.25	88.88	16	G	1,320,000	6,600,000	
4	DVN206876	Trần Quốc Vinh	29/03/2002	DH21VN1	8.69	93.88	16	G	1,320,000	6,600,000	
5	DVN206568	Nguyễn Mai Kim Ngân	22/04/2002	DH21VN2	9.35	96.75	17	XS	1,440,000	7,200,000	
6	DVN206373	Nguyễn Văn Đước	25/11/2002	DH21VN2	9.28	97.63	17	XS	1,440,000	7,200,000	
7	DVN206377	Lê Thị Thúy Duy	29/01/2002	DH21VN2	9.25	100.00	17	XS	1,440,000	7,200,000	
8	DVN206494	Trần Thị Ái Liên	24/12/2002	DH21VN2	9.25	94.38	17	XS	1,440,000	7,200,000	
9	DVN206687	Nguyễn Hoàng Nhựt Quang	30/06/2002	DH21VN2	9.24	97.38	17	XS	1,440,000	7,200,000	
10	DVN206897	Hồ Thị Như Ý	08/07/2002	DH21VN2	9.06	94.63	17	XS	1,440,000	7,200,000	
11	DVN206501	Lê Thị Mỹ Linh	20/04/2001	DH21VN2	9.18	89.38	17	G	1,320,000	6,600,000	
12	DVN206505	Nguyễn Thị Mỹ Linh	03/09/2000	DH21VN2	9.05	88.00	17	G	1,320,000	6,600,000	
13	DVN206598	Trần Thị Thảo Nguyên	17/06/2002	DH21VN2	9.01	88.63	17	G	1,320,000	6,600,000	

14	DVN216659	Liêu Thị Huỳnh Như	05/05/2003	DH22VN1	8.46	84.13	16	G	1,320,000	6,600,000	
15	DVN216814	Lê Trần Thùy Trang	16/05/2003	DH22VN1	8.41	95.63	19	G	1,320,000	6,600,000	
16	DVN216689	Trương Trọng Phúc	19/03/2003	DH22VN1	8.29	89.25	16	G	1,320,000	6,600,000	
17	DVN216875	Hồ Quốc Vinh	2003	DH22VN1	8.61	93.5	16	G	1,320,000	6,600,000	
18	DVN219999	Nguyễn Văn Hoàng	10/02/2001	DH22VN2	8.63	100.00	19	G	1,320,000	6,600,000	
19	DVN216319	Bùi Trần Đăng Khoa	11/06/2003	DH22VN2	8.55	94.50	16	G	1,320,000	6,600,000	
20	DVN216610	Nguyễn Thành Nghĩa	15/08/2003	DH22VN2	8.47	82.00	16	G	1,320,000	6,600,000	
21	DVN216538	Phạm Thị Trúc Linh	05/01/2003	DH22VN2	8.12	85.75	16	G	1,320,000	6,600,000	
22	DVN216465	Huỳnh Nguyễn Chí Hiếu	09/07/2003	DH22VN2	8.00	83.13	16	G	1,320,000	6,600,000	
23	DVN226321	Nguyễn Văn Đạt	27/03/2004	DH23VN1	8.86	86.00	21	G	1,320,000	6,600,000	
24	DVN226451	Nguyễn Thị Ngọc Hân	30/10/2004	DH23VN1	8.70	100.00	21	G	1,320,000	6,600,000	
25	DVN226453	Lại Phú Hòa	06/08/2003	DH23VN1	8.68	89.88	21	G	1,320,000	6,600,000	
26	DVN226324	Nguyễn Thị Vũ Đồng	05/11/2004	DH23VN1	8.62	95.00	21	G	1,320,000	6,600,000	
27	DVN226313	Đoàn Hữu Bằng	24/01/2004	DH23VN1	8.54	100.00	21	G	1,320,000	6,600,000	
28	DVN226382	Bùi Thị Huỳnh Như	28/09/2004	DH23VN2	9.12	97.00	21	XS	1,440,000	7,200,000	
29	DVN226412	Phạm Minh Thành	20/10/2004	DH23VN2	8.88	99.13	21	G	1,320,000	6,600,000	
30	DVN226404	Lê Thủy Tiên	29/7/2004	DH23VN2	8.66	99.13	21	G	1,320,000	6,600,000	
31	DVN226441	Bùi Thị Kim Yên	12/01/2004	DH23VN2	8.66	83.50	21	G	1,320,000	6,600,000	
32	DVN226461	Nguyễn Thị Huỳnh Như	05/04/2004	DH23VN2	8.58	97.38	21	G	1,320,000	6,600,000	
33	DVN236303	Lê Trần Thiên Ân	15/09/2005	DH24VN1	8.95	95.25	17	G	1,320,000	6,600,000	
34	DVN236313	Hồ Hồng Cúc	31/12/2005	DH24VN1	8.87	98.25	17	G	1,320,000	6,600,000	
35	DVN236378	Nguyễn Lâm Nhi	22/09/2005	DH24VN1	8.65	90.13	17	G	1,320,000	6,600,000	

36	DVN236322	Nguyễn Quốc Dương	13/07/2005	DH24VN1	8.45	92.88	17	G	1,320,000	6,600,000	
37	DVN236301	Trần Lạc Khả Ái	16/04/2005	DH24VN1	8.36	82.75	17	G	1,320,000	6,600,000	
38	DVN236451	Lê Đặng Như Ý	19/03/2004	DH24VN2	9.00	94.88	17	XS	1,440,000	7,200,000	
39	DVN236411	Lê Trương Minh Thư	01/04/2005	DH24VN2	8.41	95.38	17	G	1,320,000	6,600,000	
40	DVN236386	Nguyễn Thị Tâm Như	15/08/2005	DH24VN2	8.38	83.75	17	G	1,320,000	6,600,000	
41	DVN236447	Nguyễn Thị Bảo Vy	12/04/2005	DH24VN2	8.36	86.88	17	G	1,320,000	6,600,000	
42	DVN236405	Nguyễn Văn Thành	24/12/2005	DH24VN2	8.15	86.88	17	G	1,320,000	6,600,000	
Học bổng khoa đề xuất:										282,000,000	
HỆ ĐẠI HỌC KHOA NGOẠI NGỮ											
1	DAV207378	Nguyễn Thị Kim Tho	23/5/2002	DH21AV	9.29	90.88	21	XS	1,500,000	7,500,000	Nhóm ngành I
2	DAV207372	Nguyễn Thị Kiều Thanh	22/9/2002	DH21AV	9.27	93.88	21	XS	1,500,000	7,500,000	
3	DAV207396	Đặng Thị Cẩm Tú	11/06/1998	DH21AV	9.23	93.50	19	XS	1,500,000	7,500,000	
4	DAV207382	Nguyễn Thị Minh Thư	07/01/2002	DH21AV	8.96	91.63	21	G	1,375,000	6,875,000	
5	DAV207323	Nguyễn Trung Kiên	21/9/2002	DH21AV	8.84	95.38	21	G	1,375,000	6,875,000	
6	DAV207312	Lâm Ngọc Hân	21/6/2002	DH21AV	8.76	100	21	G	1,375,000	6,875,000	
7	DAV207402	Đỗ Thị Anh Xuân	29/7/1998	DH21AV	8.66	84.0	19	G	1,375,000	6,875,000	
8	DAV217390	Bùi Hiệp Lợi	10/09/2003	DH22AV1	8.65	91.38	21	G	1,375,000	6,875,000	
9	DAV217410	Trần Thị Kim Ngân	04/09/2003	DH22AV1	8.18	91.63	21	G	1,375,000	6,875,000	
10	DAV217448	Trần Minh Quân	08/04/2003	DH22AV2	9.25	98.63	21	XS	1,500,000	7,500,000	
11	DAV217359	Trương Tuấn Đạt	16/06/2003	DH22AV2	8.51	93.75	21	G	1,375,000	6,875,000	
12	DAV217449	Nguyễn Thị Ngọc Quyên	31/05/2003	DH22AV2	8.05	83.88	21	G	1,375,000	6,875,000	
13	DAV227309	Nguyễn Gia Đạt	16/03/2004	DH23AV	9.18	81.50	16	G	1,375,000	6,875,000	
14	DAV227356	Trần Thị Thanh Xuân	02/09/2004	DH23AV	8.96	99.50	16	G	1,375,000	6,875,000	

15	DAV227339	Lâm Kim Tường	14/10/2004	DH23AV	8.81	99.88	16	G	1,375,000	6,875,000	
16	DAV227316	Phùng Hoàng Lực	05/03/2002	DH23AV	8.73	97.25	16	G	1,375,000	6,875,000	
17	DAV237394	Nguyễn Kỳ Vân	04/06/2005	DH24AV	9.02	86.5	17	G	1,375,000	6,875,000	
18	DAV237405	Nguyễn Thành Nhân	10/06/2005	DH24AV	8.98	100	17	G	1,375,000	6,875,000	
19	DAV237358	Nguyễn Thị Lam Phương	15/01/2004	DH24AV	8.86	89.5	17	G	1,375,000	6,875,000	
20	DAV237334	Trần Phạm Văn Minh	29/08/2005	DH24AV	8.84	87.88	17	G	1,375,000	6,875,000	
21	DAV237328	Phan Thành Lộc	07/09/2005	DH24AV	8.82	99.38	17	G	1,375,000	6,875,000	
22	DAV237384	Nguyễn Hữu Tinh	11/01/2005	DH24AV	8.68	99.13	17	G	1,375,000	6,875,000	
23	DAV237308	Nguyễn Hải Đăng	02/06/2005	DH24AV	8.69	94.13	17	G	1,375,000	6,875,000	
24	DAV237347	Lê Thị Ngọc Nhi	18/12/2005	DH24AV	8.66	100	17	G	1,375,000	6,875,000	
25	DTA207548	Trần Bảo Duy	29/04/2002	DH21TA1	8.86	95.25	18	G	1,320,000	6,600,000	Nhóm ngành VII
26	DTA207586	Nguyễn Lê Huỳnh	18/02/2002	DH21TA1	8.83	100	18	G	1,320,000	6,600,000	
27	DTA207571	Phạm Long Hồ	27/04/2002	DH21TA1	8.39	87.13	18	G	1,320,000	6,600,000	
28	DTA207582	Lê Thị Mỹ Huyền	12/07/2002	DH21TA1	8.46	100	18	G	1,320,000	6,600,000	
29	DTA207577	Phạm Thanh Hùng	13/08/2002	DH21TA1	8.49	100	18	G	1,320,000	6,600,000	
30	DTA207543	Dương Lê Đồng	16/05/2002	DH21TA1	8.46	100	18	G	1,320,000	6,600,000	
31	DTA207721	Đinh Thị Trâm	24/06/2002	DH21TA2	8.90	93.63	18	G	1,320,000	6,600,000	
32	DTA207713	Võ Anh Thư	13/09/2002	DH21TA2	8.81	95.75	18	G	1,320,000	6,600,000	
33	DTA207790	Trần Bảo Trọng	21/11/2002	DH21TA2	8.79	94.25	18	G	1,320,000	6,600,000	
34	DTA207716	Đoàn Hữu Thuận	26/09/2002	DH21TA2	8.73	98.5	18	G	1,320,000	6,600,000	
35	DTA207723	Lâm Huỳnh Ngọc Trâm	04/03/2002	DH21TA2	8.67	98.75	22	G	1,320,000	6,600,000	
36	DTA207760	Dương Phan Tường Vy	12/08/2002	DH21TA2	8.61	98.75	18	G	1,320,000	6,600,000	

37	DTA217575	Lê Huỳnh Kim	13/04/2001	DH22TA1	8.69	95.63	19	G	1,320,000	6,600,000	
38	DTA217945	Trần Huỳnh Ngọc Trâm	30/04/2003	DH22TA1	8.33	92.00	19	G	1,320,000	6,600,000	
39	DTA217868	Trần Thanh Quý	08/08/2003	DH22TA1	8.31	98.50	19	G	1,320,000	6,600,000	
40	DTA218411	Nguyễn Quý Minh Thư	26/06/2003	DH22TA1	8.30	68.63	23	K	1,200,000	6,000,000	
41	DTA217986	Lê Trần Thảo Vy	06/01/2003	DH22TA1	8.13	70.50	16	K	1,200,000	6,000,000	
42	DTA217613	Nguyễn Thị Tường Vi	22/09/2003	DH22TA1	7.80	100	21	K	1,200,000	6,000,000	
43	DTA217995	Phan Thị Như Ý	12/11/2003	DH22TA2	8.78	100	19	G	1,320,000	6,600,000	
44	DTA217904	Trần Quốc Thắng	13/06/2003	DH22TA2	8.50	85.75	19	G	1,320,000	6,600,000	
45	DTA217933	Lê Quốc Tiến	22/09/2003	DH22TA3	8.81	100	19	G	1,320,000	6,600,000	
46	DTA217999	Kwok Chia Yi	08/02/2003	DH22TA3	8.67	98.25	19	G	1,320,000	6,600,000	
47	DTA217702	Luu Thị Thanh Huyền	26/06/2003	DH22TA3	8.27	98.50	19	G	1,320,000	6,600,000	
48	DTA217719	Phạm Duy Khang	14/11/2003	DH22TA3	8.02	98.50	19	G	1,320,000	6,600,000	
49	DTA217911	Huỳnh Minh Thơ	13/11/2003	DH22TA3	8.52	73.13	21	K	1,200,000	6,000,000	
50	DTA217846	Kiều Minh Hoàng Oanh	27/05/2003	DH22TA3	8.38	71.88	19	K	1,200,000	6,000,000	
51	DTA227401	Dương Minh Tuấn An	26/03/2004	DH23TA1	9.19	100	20	XS	1,440,000	7,200,000	
52	DTA227460	Trần Thanh Lộc	23/03/2004	DH23TA1	9.02	91.63	20	XS	1,440,000	7,200,000	
53	DTA227470	Dương Thị Ngọc Ngân	11/10/2004	DH23TA1	9.03	85.13	20	G	1,320,000	6,600,000	
54	DTA227487	Huỳnh Như Nguyệt	09/07/2004	DH23TA1	8.79	100	16	G	1,320,000	6,600,000	
55	DTA227590	Đỗ Thị Kiều Quyên	05/11/2003	DH23TA1	8.62	87.63	16	G	1,320,000	6,600,000	
56	DTA227461	Nguyễn Thị Trúc Mai	30/09/2004	DH23TA1	8.43	99.00	20	G	1,320,000	6,600,000	
57	DTA227404	Hồ Quách Tố Anh	21/10/2004	DH23TA2	9.12	100	20	XS	1,440,000	7,200,000	
58	DTA227509	Lâm Thành Phát	01/01/2004	DH23TA2	8.65	90.25	16	G	1,320,000	6,600,000	

59	DTA227523	Lâm Thị Diễm Quỳnh	17/11/2004	DH23TA2	8.86	99.38	20	G	1,320,000	6,600,000	
60	DTA227527	Lê Võ Mỹ Tiên	17/02/2004	DH23TA2	8.83	100	20	G	1,320,000	6,600,000	
61	DTA227557	Nguyễn Quốc Triều	18/05/2004	DH23TA2	8.99	82.75	16	G	1,320,000	6,600,000	
62	DTA227573	Nguyễn Thị Như Ý	04/09/2004	DH23TA2	8.63	86.5	20	G	1,320,000	6,600,000	
63	DTA237637	Nguyễn Thị Huỳnh Giao	05/22/05	DH24TA1	8.46	88.88	16	G	1,320,000	6,600,000	
64	DTA237653	Lê Thị Diễm Huyền	06/01/05	DH24TA1	7.98	91.13	16	K	1,200,000	6,000,000	
65	DTA237619	Đoàn Huỳnh Thành Công	02/02/05	DH24TA1	7.31	81.88	16	K	1,200,000	6,000,000	
66	DTA237625	Từ Nguyên Định	12/09/05	DH24TA1	8.14	73.38	16	K	1,200,000	6,000,000	
67	DTA237657	Trần Minh Kha	03/27/05	DH24TA1	8.01	73.88	16	K	1,200,000	6,000,000	
68	DTA237642	Đặng Chí Hiếu	05/28/05	DH24TA1	8.41	68.00	16	K	1,200,000	6,000,000	
69	DTA237742	Dương Thị Cẩm Tiên	28/10/2003	DH24TA2	8.60	89.00	16	G	1,320,000	6,600,000	
70	DTA237765	Nguyễn Huỳnh Vân	02/10/2005	DH24TA2	8.40	86.25	16	G	1,320,000	6,600,000	
71	DTA237773	Lăng Vy	27/05/2005	DH24TA2	8.18	92.88	16	G	1,320,000	6,600,000	
72	DTA237727	Trịnh Tú Thanh	01/01/2005	DH24TA2	8.05	91.13	16	G	1,320,000	6,600,000	
73	DTA237719	Thạch Ngọc Thúy Quỳnh	21/08/2005	DH24TA2	8.14	70.88	16	K	1,200,000	6,000,000	
74	DTA237778	Trần Thảo Vy	24/01/2005	DH24TA2	8.05	66.38	16	K	1,200,000	6,000,000	

Học bổng khoa đề xuất: 492,100,000

HỆ ĐẠI HỌC KHOA LUẬT VÀ KHCT

1	DCT204232	Nguyễn Thanh Niên	01/01/2002	DH21CT	8.88	100	18	G	1,375,000	6,875,000	Nhóm ngành I
2	DCT204241	Nguyễn Nhứt Phong	24/12/2002	DH21CT	8.72	93.88	18	G	1,375,000	6,875,000	
3	DCT204209	Trình Văn Trường Giang	28/08/2002	DH21CT	8.64	94.25	18	G	1,375,000	6,875,000	
4	DCT204212	Nguyễn Lý Huy Hoàng	22/11/2002	DH21CT	8.62	91.5	18	G	1,375,000	6,875,000	

5	DCT204230	Nguyễn Thị Yến Nhi	19/05/2002	DH21CT	8.56	91.75	18	G	1,375,000	6,875,000	
6	DCT204226	Nguyễn Thị Kim Ngân	24/02/2002	DH21CT	8.54	94.00	18	G	1,375,000	6,875,000	
7	DCT214202	Phạm Thị Bảo Vân	06/06/2003	DH22CT	8.77	96,88	18	G	1,375,000	6,875,000	
8	DCT214232	Tạ Thị Cẩm Tiên	16/10/2003	DH22CT	7.77	87,25	18	K	1,250,000	6,250,000	
9	DCT214233	Nguyễn Văn Tiến	15/07/2003	DH22CT	8.41	92,13	18	G	1,375,000	6,875,000	
10	DCT224208	Nguyễn Thị Thúy Nhi	15/08/2004	DH23CT	7.80	96.50	17	K	1,250,000	6,250,000	
11	DCT234205	Nguyễn Hoàng Long	19/12/2005	DH24CT	7.12	88,75	17	K	1,250,000	6,250,000	
12	DLU204360	Nguyễn Đoàn Minh Anh	25/08/2002	DH21LU1	7.99	67.75	17	K	1,250,000	6,250,000	Nhóm III
13	DLU204580	Nguyễn Thu Thảo	06/05/2002	DH21LU2	7.11	67.38	19	K	1,250,000	6,250,000	
14	DLU204609	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	06/02/2001	DH21LU2	7.74	83.75	17	K	1,250,000	6,250,000	
15	DLU204629	Nguyễn Thị Bích Tuyền	04/01/2002	DH21LU2	7.36	89.00	17	K	1,250,000	6,250,000	
16	DLU214686	Châu Anh Tuấn	26/03/2003	DH22LU	9.25	99.38	19	XS	1,500,000	7,500,000	
17	DLU214628	Đặng Tô Mỹ Hằng	30/08/2003	DH22LU	9.15	99.38	19	XS	1,500,000	7,500,000	
18	DLU214653	Nguyễn Hải My	17/10/2003	DH22LU	8.54	88.75	19	G	1,375,000	6,875,000	
19	DLU214569	Trần Văn Lên	05/02/2003	DH22LU	8.46	87.00	19	G	1,375,000	6,875,000	
20	DLU214633	Trần Hồ Thanh Hương	08/12/2003	DH22LU	8.41	99.38	19	G	1,375,000	6,875,000	
21	DLU214626	Nguyễn Thành Giang	15/08/2003	DH22LU	8.24	92.25	19	G	1,375,000	6,875,000	
22	DLU214586	Nguyễn Thị Hồng Nhung	30/08/2003	DH22LU	8.18	96.75	19	G	1,375,000	6,875,000	
23	DLU214617	Nguyễn Thị Thuỳ Dương	09/07/2003	DH22LU	8.12	96.25	19	G	1,375,000	6,875,000	
24	DLU214706	Thái Thị Tường Vy	02/12/2003	DH22LU	8.91	72.75	19	K	1,250,000	6,250,000	
25	DLU214667	Nguyễn Thị Như	12/04/2003	DH22LU	8.56	71.63	19	K	1,250,000	6,250,000	
26	DTR204720	Trần Hồng Tiến	27/07/2002	DH21TR	8.52	98.50	16	G	1,320,000	6,600,000	Nhóm VII

27	DTR204713	Hà Ngọc Minh	01/12/2002	DH21TR	8.36	84.00	16	G	1,320,000	6,600,000	
28	DTR214409	Phạm Hoàng Phúc	27/09/2003	DH22TR	8.43	96.13	26	G	1,320,000	6,600,000	
29	DTR234401	Trương Phát Đạt	30/08/2005	DH24TR	7.91	93.38	15	K	1,200,000	6,000,000	
30	DTR234418	Võ Bá Thừa	22/07/2005	DH24TR	7.81	81.00	15	K	1,200,000	6,000,000	
Học bổng khoa đề xuất:										199,300,000	
HỆ ĐẠI HỌC KHOA SƯ PHẠM											
1	DDL201188	Nguyễn Nhật Trường	20/12/2002	DH21DL	8.96	81.50	17	G	1,375,000	6,875,000	Nhóm I
2	DDL211276	Nguyễn Thị Vân Anh	22/05/2003	DH22DL	9.15	100.00	21	XS	1,500,000	7,500,000	
3	DDL211272	Nguyễn Hoàng Siêu	21/07/2003	DH22DL	9.05	100.00	21	XS	1,500,000	7,500,000	
4	DDL220556	Trần Thị Mỹ Ngân	5/19/2004	DH23DL	8.07	100.00	17	G	1,375,000	6,875,000	
5	DDL231104	Dương Thị Hiếu	20/03/2005	DH24DL	8.38	87.00	16	G	1,375,000	6,875,000	
6	DGT200448	Lê Hoàng Tuấn Em	25/04/2001	DH21GT1	9.21	98.88	20	XS	1,500,000	7,500,000	
7	DGT200437	Võ Thị Thùy Dung	18/06/2002	DH21GT1	9.15	99.00	20	XS	1,500,000	7,500,000	
8	DGT200446	Trần Thị Cẩm Duyên	25/02/2002	DH21GT1	8.94	98.63	20	G	1,375,000	6,875,000	
9	DGT200449	Lê Bửu Giám	18/09/2002	DH21GT1	8.85	91.50	20	G	1,375,000	6,875,000	
10	DGT200458	Phan Nhật Hàn	16/05/2002	DH21GT1	8.81	99.13	20	G	1,375,000	6,875,000	
11	DGT200605	Đinh Thị Ngọc Trâm	17/10/2002	DH21GT2	8.92	84.75	20	G	1,375,000	6,875,000	
12	DGT200598	Trần Thị Kim Thùy	12/02/2002	DH21GT2	8.73	93.88	20	G	1,375,000	6,875,000	
13	DGT200547	Võ Thị Ngọc Như	01/10/2002	DH21GT2	8.73	93.75	20	G	1,375,000	6,875,000	
14	DGT200580	Đoàn Thanh Thái	01/12/2002	DH21GT2	8.66	93.50	20	G	1,375,000	6,875,000	
15	DGT200583	Nguyễn Hữu Thành	30/05/2002	DH21GT2	8.64	92.00	20	G	1,375,000	6,875,000	
16	DGT210812	Nguyễn Đoàn Thanh Giang	25/12/2002	DH22GT1	8.71	81.38	19	G	1,375,000	6,875,000	

17	DGT210481	Bùi Văn Toàn	25/11/2003	DH22GT1	8.47	94.38	19	G	1,375,000	6,875,000	
18	DGT210468	Trương Lê Mỹ Huyền	15/07/2003	DH22GT1	8.23	96.88	19	G	1,375,000	6,875,000	
19	DGT210477	Phạm Thị Lệ Nhung	31/01/2003	DH22GT1	8.23	93.75	19	G	1,375,000	6,875,000	
20	DGT210491	Lê Thị Như Ý	14/10/2003	DH22GT1	8.21	82.38	19	G	1,375,000	6,875,000	
21	DGT210583	Nguyễn Thị Yến Linh	08/10/2003	DH22GT1	8.15	89.75	19	G	1,375,000	6,875,000	
22	DGT210494	Trịnh Huỳnh Thúy An	01/01/2003	DH22GT1	8.04	100.00	19	G	1,375,000	6,875,000	
23	DGT210471	Tôn Ngọc Huỳnh Lê	26/08/2003	DH22GT1	8.03	99.25	19	G	1,375,000	6,875,000	
24	DGT210634	Bạch Thị Mộng Nhi	03/08/2003	DH22GT2	8.15	91.50	19	G	1,375,000	6,875,000	
25	DGT210572	Nguyễn Đăng Khoa	15/11/2003	DH22GT2	7.92	79.88	19	K	1,250,000	6,250,000	
26	DGT210559	Cao Thị Thúy Huỳnh	05/06/2003	DH22GT2	7.90	95.00	19	K	1,250,000	6,250,000	
27	DGT210675	Phạm Minh Quốc	25/05/2002	DH22GT2	7.88	99.13	19	K	1,250,000	6,250,000	
28	DGT210602	Nguyễn Huỳnh Ly Na	06/03/2003	DH22GT2	7.88	92.25	19	K	1,250,000	6,250,000	
29	DGT210607	Dương Thị Kim Ngân	06/10/2003	DH22GT2	7.88	79.25	19	K	1,250,000	6,250,000	
30	DGT210510	Nguyễn Thúy Bình	28/02/2003	DH22GT2	7.86	91.75	19	K	1,250,000	6,250,000	
31	DGT210771	Ngô Thị Ánh Tuyết	20/10/2003	DH22GT2	7.85	76.13	19	K	1,250,000	6,250,000	
32	DGT220246	Nguyễn Thị Thủy Dung	18/02/2004	DH23GT1	8.73	91.50	15	G	1,375,000	6,875,000	
33	DGT220157	Trần Chí Linh	17/04/2004	DH23GT1	8.51	96.38	19	G	1,375,000	6,875,000	
34	DGT220107	Lê Thị Kim Anh	02/02/2004	DH23GT1	8.42	99.75	19	G	1,375,000	6,875,000	
35	DGT220141	Trần Thị Xuân Hương	24/11/2004	DH23GT1	8.35	93.50	19	G	1,375,000	6,875,000	
36	DGT220154	Lương Phương Linh	08/06/2003	DH23GT1	8.15	99.50	19	G	1,375,000	6,875,000	
37	DGT220110	Trần Huỳnh Phương Anh	27/10/2004	DH23GT1	8.11	98.38	19	G	1,375,000	6,875,000	
38	DGT220182	Ngô Thị Kiều Oanh	16/10/2004	DH23GT2	8.71	90.50	15	G	1,375,000	6,875,000	

39	DGT220219	Hồ Thị Mỹ Trang	25/11/2004	DH23GT2	8.05	100.00	15	G	1,375,000	6,875,000	
40	DGT220199	Đỗ Mỹ Tú	17/10/2004	DH23GT2	7.99	98.50	15	K	1,250,000	6,250,000	
41	DGT220220	Huỳnh Thị Ngọc Trâm	02/12/2004	DH23GT2	7.89	99.88	15	K	1,250,000	6,250,000	
42	DGT220191	Nguyễn Thị Mỹ Quyên	25/04/2004	DH23GT2	7.87	100.00	19	K	1,250,000	6,250,000	
43	DGT220189	Võ Nguyệt Quế	06/11/2004	DH23GT2	7.16	81.88	15	K	1,250,000	6,250,000	
44	DGT230202	Âu Ân Ân	29/08/2004	DH24GT1	8.78	93.00	17	G	1,375,000	6,875,000	
45	DGT230278	Nguyễn Thị Trúc Mai	13/06/2005	DH24GT1	8.45	97.00	17	G	1,375,000	6,875,000	
46	DGT230261	Lê Thị Ngọc Lan	05/03/2005	DH24GT1	8.34	100.00	17	G	1,375,000	6,875,000	
47	DGT230203	Huỳnh Thị Ngọc Anh	16/12/2005	DH24GT1	7.97	96.88	17	K	1,250,000	6,250,000	
48	DGT230218	Nguyễn Huỳnh Đức	12/01/2005	DH24GT1	7.89	82.13	17	K	1,250,000	6,250,000	
49	DGT230246	Phạm Thị Thu Hương	04/12/2005	DH24GT1	7.81	67.63	17	K	1,250,000	6,250,000	
50	DGT230365	Nguyễn Hữu Trí	18/06/2005	DH24GT2	8.62	100.00	17	G	1,375,000	6,875,000	
51	DGT230302	Đoàn Ngọc Tuyết Nhi	15/10/2005	DH24GT2	8.62	85.25	17	G	1,375,000	6,875,000	
52	DGT230322	Phan Hoàng Quân	31/01/2005	DH24GT2	8.59	81.13	17	G	1,375,000	6,875,000	
53	DGT230317	Lê Thị Ngọc Phụng	23/07/2005	DH24GT2	8.32	91.50	17	G	1,375,000	6,875,000	
54	DGT230341	Nguyễn Thị Thư	23/09/2004	DH24GT2	8.31	85.50	17	G	1,375,000	6,875,000	
55	DGT230331	Neáng Chanh Tha	04/06/1999	DH24GT2	8.29	92,13	17	G	1,375,000	6,875,000	
56	DHH200910	Võ Thị Huyền Trân	28/02/2002	DH21HH	9.03	93.88	19	XS	1,500,000	7,500,000	
57	DHH211058	Lê Quốc Liệt	26/11/2003	DH22HH	9.35	93.50	19	XS	1,500,000	7,500,000	
58	DHH211056	Nguyễn Yến Khoa	19/01/2003	DH22HH	9.02	97.13	19	XS	1,500,000	7,500,000	
59	DHH220410	Chu Huy Phú	02/11/2004	DH23HH	9.43	96.50	20	XS	1,500,000	7,500,000	
60	DHH230719	Dương Thị Như Ý	16/10/2005	DH24HH	9.17	100.00	18	XS	1,500,000	7,500,000	

61	DLY211025	Nguyễn Chí Tiến	20/08/2003	DH22LY	9.02	91.00	17	XS	1,500,000	7,500,000	
62	DLY220354	Huỳnh Tấn Duy	30/08/2004	DH23LY	8.65	84.5	22	G	1,375,000	6,875,000	
63	DLY230604	Huỳnh Văn Trọng Em	11/08/2005	DH24LY	9.09	96.50	20	XS	1,500,000	7,500,000	
64	DMN200041	Trần Thị Kim Liên	14/06/2002	DH21MN1	9.34	95.38	16	XS	1,500,000	7,500,000	
65	DMN200028	Trần Quốc Huy	31/03/2002	DH21MN1	9.18	94.13	16	XS	1,500,000	7,500,000	
66	DMN200056	Châu Hồng Ngọc	03/02/1996	DH21MN1	9.02	100.00	16	XS	1,500,000	7,500,000	
67	DMN200007	Nguyễn Thị Minh Châu	09/05/2002	DH21MN1	8.96	87.38	16	G	1,375,000	6,875,000	
68	DMN200001	Nguyễn Đặng Thúy An	26/04/2002	DH21MN1	8.86	93.50	16	G	1,375,000	6,875,000	
69	DMN200146	Võ Thị Kỳ Anh	02/10/2002	DH21MN2	9,43	96.13	16	XS	1,500,000	7,500,000	
70	DMN200086	Phạm Thị Ánh Phương	12/02/2002	DH21MN2	9,26	95.75	16	XS	1,500,000	7,500,000	
71	DMN200099	Nguyễn Thị Diễm Thảo	12/02/2002	DH21MN2	9,25	97.63	16	XS	1,500,000	7,500,000	
72	DMN200132	Nguyễn Thị Bích Tuyền	02/08/2002	DH21MN2	8,72	89.25	16	G	1,375,000	6,875,000	
73	DMN210094	Nguyễn Thị Như Tâm	09/12/2003	DH22MN	9.31	95.00	15	XS	1,500,000	7,500,000	
74	DMN210014	Phạm Thị Cẩm Thu	08/03/2003	DH22MN	9.02	100.00	15	XS	1,500,000	7,500,000	
75	DMN210121	Nguyễn Trường Bảo Vy	13/03/2003	DH22MN	9.02	100.00	15	XS	1,500,000	7,500,000	
76	DMN210112	Lê Thị Bảo Trúc	04/06/2003	DH22MN	8.94	92,75	15	G	1,375,000	6,875,000	
77	DMN210056	Nguyễn Huỳnh Nhật Linh	21/02/2003	DH22MN	8.89	92,5	15	G	1,375,000	6,875,000	
78	DMN210114	Lê Thị Ngọc Tú	05/08/2003	DH22MN	8.87	84,75	15	G	1,375,000	6,875,000	
79	DMN220036	Nguyễn Thị Trang Thơ	09/11/2004	DH23MN	8.40	98.38	15	G	1,375,000	6,875,000	
80	DMN220021	Phạm Bảo Ngọc	29/07/2004	DH23MN	8.33	86.75	15	G	1,375,000	6,875,000	
81	DMN220029	Huỳnh Nguyễn Ngọc Thanh	02/02/2004	DH23MN	8.16	93.38	15	G	1,375,000	6,875,000	
82	DMN230008	Huỳnh Lý Bảo Hà	30/07/2005	DH24MN	8.53	95.63	19	G	1,375,000	6,875,000	

83	DMN230088	Phạm Hồng Tươi	15/04/2005	DH24MN	8.29	87.75	19	G	1,375,000	6,875,000	
84	DMN230041	Lâm Thị Ngọc Nhi	10/04/2005	DH24MN	8.26	89.75	19	G	1,375,000	6,875,000	
85	DMN230025	Trần Thị Trúc Mai	27/12/2005	DH24MN	8.25	85.63	19	G	1,375,000	6,875,000	
86	DMN230106	Võ Thị Yến Ngân	20/05/2005	DH24MN	8.03	89.50	19	G	1,375,000	6,875,000	
87	DMN230004	Trần Thy Cúc	18/03/2005	DH24MN	8.03	86.38	19	G	1,375,000	6,875,000	
88	DMN230043	Nguyễn Thị Ý Nhi	16/08/2004	DH24MN	8.02	98.50	19	G	1,375,000	6,875,000	
89	DNV201007	Đỗ Thị Thanh Thảo	28/01/2002	DH21NV	8.97	96.00	21	G	1,375,000	6,875,000	
90	DNV209998	Lã Phạm Ngọc Hân	08/05/2002	DH21NV	8.68	81.63	21	G	1,375,000	6,875,000	
91	DNV211131	Trương Hoàng Hân	05/07/2003	DH22NV	9.35	100.00	18	XS	1,500,000	7,500,000	
92	DNV211142	Lê Văn Nhân	08/05/2003	DH22NV	9.33	100.00	18	XS	1,500,000	7,500,000	
93	DNV220470	Cao Hồ Kim Quyên	29/10/2004	DH23NV	8.74	92.63	21	G	1,375,000	6,875,000	
94	DNV220462	Ngô Thị Kim Ngân	09/10/2004	DH23NV	8.39	91.25	21	G	1,375,000	6,875,000	
95	DNV230905	Lê Thảo Duyên	28/02/2005	DH24NV	8.87	100.00	17	G	1,375,000	6,875,000	
96	DNV230922	Huỳnh Ngọc Nam Phương	08/06/2005	DH24NV	8.82	100.00	17	G	1,375,000	6,875,000	
97	DSI230815	Nguyễn Thị Minh Thư	15/4/2005	DH24SI	8.82	99.38	17	G	1,375,000	6,875,000	
98	DSI230802	Trần Thị Phương Anh	22/12/2005	DH24SI	8.49	94.88	17	G	1,375,000	6,875,000	
99	DSU201061	Nguyễn Thị Nhật Băng	16/6/2002	DH21SU	9.34	96.75	16	XS	1,500,000	7,500,000	
100	DSU211211	Vũ Thị Giao Linh	11/10/2003	DH22SU	9.08	96.38	18	XS	1,500,000	7,500,000	
101	DSU211201	Hà Nguyễn Khánh Duy	08/03/2003	DH22SU	8.84	99.63	16	G	1,375,000	6,875,000	
102	DSU220504	Trần Vũ Luân	15/12/2004	DH23SU	9.34	100.00	20	XS	1,500,000	7,500,000	
103	DSU231002	Võ Thị Ngọc Anh	11/06/2005	DH24SU	8.92	100.00	20	G	1,375,000	6,875,000	
104	DTO200806	Võ Tấn Đạt	03/10/2002	DH21TO	9.26	94.88	17	XS	1,500,000	7,500,000	

105	DTO200845	Trần Diễm Quỳnh	12/07/2002	DH21TO	8.99	100.00	17	G	1,375,000	6,875,000	
106	DTO210991	Nguyễn Ngọc Thịnh	15/11/2003	DH22TO	9.44	100.00	19	XS	1,500,000	7,500,000	
107	DTO210956	Nguyễn Tấn Đạt	06/11/2003	DH22TO	9.06	90.88	19	XS	1,500,000	7,500,000	
108	DTO210938	Trần Quốc Tú	25/08/2003	DH22TO	9.02	100.00	19	XS	1,500,000	7,500,000	
109	DTO210940	Nguyễn Chí An	20/08/2003	DH22TO	8.79	96.63	19	G	1,375,000	6,875,000	
110	DTO220308	Đặng Trần Quốc Kỳ	10/08/2024	DH23TO	9.15	94.75	21	XS	1,500,000	7,500,000	
111	DTO220306	Cao Hoàng Kiệt	08/09/2004	DH23TO	9.02	98.75	21	XS	1,500,000	7,500,000	
112	DTO230515	Nguyễn Thị Ngọc Tố	24/11/2005	DH24TO	8.51	93.25	18	G	1,375,000	6,875,000	
113	DVH201382	Lâm Dương Minh Tân	30/09/2002	DH21VH	8.47	89.63	18	G	1,320,000	6,600,000	Nhóm VII
114	DVH211372	Lê Hạ Vy	02/06/2003	DH22VH	7.80	74.25	18	K	1,200,000	6,000,000	
115	DVH220629	Nguyễn Kiều Phụng	02/12/2004	DH23VH	7.99	95.63	24	K	1,200,000	6,000,000	
116	DVH220641	Nguyễn Thị Phương Yến	30/12/2004	DH23VH	7.90	76.63	24	K	1,200,000	6,000,000	
117	DVH220630	Mai Trí Tài	23/01/2004	DH23VH	7.85	67.38	24	K	1,200,000	6,000,000	
118	DVH231226	Nguyễn Thanh Thảo	21/05/2005	DH24VH	9.08	95.88	20	XS	1,440,000	7,200,000	
119	DVH231239	Thái Lâm Trường	28/04/2005	DH24VH	8.61	97.88	20	G	1,320,000	6,600,000	

Học bổng khoa đề xuất: 825,025,000

HỆ ĐẠI HỌC KHOA KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ - MÔI TRƯỜNG

1	DKH205006	Nguyễn Thị Thanh Ngân	27/08/2002	DH21KH	9.07	91.88	19	XS	1,740,000	8,700,000	
2	DKH205008	Nguyễn Huỳnh Như	27/10/2002	DH21KH	8.84	84.13	21	G	1,595,000	7,975,000	
3	DKH215007	Võ Bình Dương	21/05/2003	DH22KH	9.22	90	22	XS	1,740,000	8,700,000	
4	DKH215008	Phạm Ngọc Linh	09/03/2003	DH22KH	8.72	95.13	22	G	1,595,000	7,975,000	
5	DKH224823	Trần Cao Anh Thư	04/03/2004	DH23KH	8.47	95.63	17	G	1,595,000	7,975,000	

6	DKH224809	Nguyễn Minh Hiền	06/07/2004	DH23KH	7.69	83.75	17	K	1,450,000	7,250,000	
7	DKH234802	Phan Thị Bảo Châu	27/8/2005	DH24KH	9.01	100.00	18	XS	1,740,000	8,700,000	
8	DKH234807	Nguyễn Quốc Hưng	05/02/2005	DH24KH	8.43	77.00	18	K	1,450,000	7,250,000	
9	DKH234811	Lê Thị Ngọc Mỹ	25/10/2005	DH24KH	8.30	89.75	18	G	1,595,000	7,975,000	
10	DKH234814	Lê Thành Quân	14/8/2005	DH24KH	9.13	95.25	18	XS	1,740,000	8,700,000	
11	DQM205151	Lý Gia Hân	25/4/2002	DH21QM	8.66	79.25	18	K	1,200,000	6,000,000	
12	DQM205154	Trịnh Minh Như	18/6/2002	DH21QM	8.89	92.88	18	G	1,320,000	6,600,000	
13	DQM205155	Lý Vân Phi	16/12/2002	DH21QM	8.93	97.25	18	G	1,320,000	6,600,000	
14	DQM235028	Nguyễn Cao Ngọc Trân	07/03/2005	DH24QM	7.95	90.25	15	K	1,200,000	6,000,000	
15	DQM235009	Châu Sây Ha	16/12/2005	DH24QM	8.28	70.13	15	K	1,200,000	6,000,000	

Học bổng khoa đề xuất: 112,400,000

HỆ ĐẠI HỌC KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

1	DPM205452	Lê Thị Đức Ngọc	09/07/2002	DH21PM	9.34	98.88	16	XS	1,740,000	8,700,000	
2	DPM205405	Lê Đặng Tuấn Anh	22/10/2002	DH21PM	9.24	92.13	16	XS	1,740,000	8,700,000	
3	DPM205496	Phan Thanh Toàn	23/11/2002	DH21PM	8.55	87.75	16	G	1,595,000	7,975,000	
4	DTH205878	Võ Ngọc Mẫn Nghi	26/12/2002	DH21TH1	8.62	96.63	15	G	1,595,000	7,975,000	
5	DTH205764	Lê Thị Mỹ Hạnh	16/05/2002	DH21TH1	8.49	95.88	15	G	1,595,000	7,975,000	
6	DTH205880	Hồ Phú Nghĩa	07/06/2002	DH21TH1	8.39	95.88	15	G	1,595,000	7,975,000	
7	DTH206071	Đặng Thị Thúy Vy	04/05/2002	DH21TH1	8.39	86.75	15	G	1,595,000	7,975,000	
8	DTH205789	Lâm Nhựt Huy	14/02/2002	DH21TH1	8.31	94.13	15	G	1,595,000	7,975,000	
9	DTH206038	Lưu Minh Trọng	08/01/2002	DH21TH2	8.49	86.25	15	G	1,595,000	7,975,000	
10	DTH205892	Nguyễn Thị Kim Ngọc	30/08/2001	DH21TH2	8.41	98.38	15	G	1,595,000	7,975,000	

11	DTH205930	Dương Thiên Phúc	06/11/2002	DH21TH2	8.41	91.88	15	G	1,595,000	7,975,000	
12	DTH205903	Lê Thị Ngọc Nhi	06/03/2002	DH21TH2	8.38	94.63	15	G	1,595,000	7,975,000	
13	DTH206096	Trương Thị Mỹ Tiên	18/04/2002	DH21TH2	8.36	92.75	15	G	1,595,000	7,975,000	
14	DTH205784	Dương Thị Kim Hồng	19/09/2002	DH21TH3	8.87	93.88	15	G	1,595,000	7,975,000	
15	DTH205963	Trần Quyền Sinh	11/03/2002	DH21TH3	8.77	83.13	15	G	1,595,000	7,975,000	
16	DTH205716	Đặng Quốc Bảo	18/07/2002	DH21TH3	8.51	92.75	15	G	1,595,000	7,975,000	
17	DTH205780	Cao Văn Hóa	03/07/2002	DH21TH3	8.37	95.00	15	G	1,595,000	7,975,000	
18	DTH205975	Trương Minh Thạch	15/10/2002	DH21TH3	8.35	94.50	15	G	1,595,000	7,975,000	
19	DPM215540	Nguyễn Hồng Trung	23/01/2003	DH22PM	9.05	100.00	17	XS	1,740,000	8,700,000	
20	DPM215498	Võ Lâm Huỳnh Phương Nghi	12/03/2003	DH22PM	8.66	91.75	19	G	1,595,000	7,975,000	
21	DPM215527	Cao Thị Thu Thảo	14/05/2003	DH22PM	8.54	94.75	17	G	1,595,000	7,975,000	
22	DPM215512	Võ Thanh Phong	27/05/2003	DH22PM	8.44	82.00	21	G	1,595,000	7,975,000	
23	DPM215438	Huỳnh Vạn Đạt	14/05/2003	DH22PM	8.36	81.13	17	G	1,595,000	7,975,000	
24	DTH216278	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	20/09/2003	DH22TH1	9.32	95.50	18	XS	1,740,000	8,700,000	
25	DTH216222	Huỳnh Thanh Trúc	15/05/2003	DH22TH1	8.97	80.50	18	G	1,595,000	7,975,000	
26	DTH215782	Lê Hữu Sang	04/07/2003	DH22TH1	8.93	100.00	18	G	1,595,000	7,975,000	
27	DTH216200	Cao Ngọc Toàn	02/10/2003	DH22TH1	8.83	82.88	18	G	1,595,000	7,975,000	
28	DTH215736	Trần Tuấn Anh	12/11/2003	DH22TH1	8.24	81.88	18	G	1,595,000	7,975,000	
29	DTH215806	Trương Thị Mỹ Xuyên	11/11/2001	DH22TH1	8.36	72.63	18	K	1,450,000	7,250,000	
30	DTH215952	Nguyễn Đình Minh Khang	25/08/2003	DH22TH2	9.20	97.50	18	XS	1,740,000	8,700,000	
31	DTH216158	Nguyễn Ngọc Thảo	17/07/2003	DH22TH2	9.11	100.00	18	XS	1,740,000	8,700,000	
32	DTH215924	Nguyễn A Huy	28/09/2003	DH22TH2	9.06	100.00	18	XS	1,740,000	8,700,000	

33	DTH215869	Trần Duy Đăng	04/01/2003	DH22TH2	9.05	96.75	18	XS	1,740,000	8,700,000	
34	DTH215900	Lê Kiều Hậu	31/05/2003	DH22TH2	9.01	93.25	18	XS	1,740,000	8,700,000	
35	DTH215816	Nguyễn Nhật Tinh Anh	17/07/2003	DH22TH2	8.99	96.00	18	G	1,595,000	7,975,000	
36	DTH216152	Lê Võ Trung Thanh	16/11/2003	DH22TH2	8.94	92.88	20	G	1,595,000	7,975,000	
37	DTH216113	Hà Phú Quý	22/10/2003	DH22TH3	9.04	100.00	18	XS	1,740,000	8,700,000	
38	DTH216055	Lê Quyền Nguyệt	22/08/2003	DH22TH3	8.76	98.75	18	G	1,595,000	7,975,000	
39	DTH216144	Đặng Quốc Tấn	27/10/2003	DH22TH3	8.76	98.50	18	G	1,595,000	7,975,000	
40	DTH216058	Võ Thị Thanh Nhã	21/12/2003	DH22TH3	8.75	96.50	18	G	1,595,000	7,975,000	
41	DTH216117	Dư Thị Kim Quyên	04/02/2003	DH22TH3	8.73	100.00	18	G	1,595,000	7,975,000	
42	DTH216100	Trần Thanh Phúc	14/11/2003	DH22TH3	8.67	84.63	18	G	1,595,000	7,975,000	
43	DTH216191	Phạm Nhựt Tiến	19/07/2003	DH22TH3	8.62	82.63	20	G	1,595,000	7,975,000	
44	DTH216184	Trần Thị Minh Thu	26/02/2003	DH22TH4	9.34	95.50	18	XS	1,740,000	8,700,000	
45	DTH216054	Phạm Đức Nguyên	18/08/2003	DH22TH4	9.02	82.38	18	G	1,595,000	7,975,000	
46	DTH216027	Lê Hoài Nam	21/01/2003	DH22TH4	8.98	87.25	18	G	1,595,000	7,975,000	
47	DTH215884	Nguyễn Huỳnh Trí Hải	11/11/2003	DH22TH4	8.72	92.25	18	G	1,595,000	7,975,000	
48	DTH215955	Nguyễn Trọng Khang	06/05/2003	DH22TH4	8.68	91.13	18	G	1,595,000	7,975,000	
49	DTH216243	Nguyễn Phan Hoàng Vi	08/05/2003	DH22TH4	8.67	91.38	18	G	1,595,000	7,975,000	
50	DTH215861	Huỳnh Thành Đạt	17/10/2003	DH22TH4	8.66	97.88	18	G	1,595,000	7,975,000	
51	DPM225452	Đoàn Trọng Nhân	18/03/2004	DH23PM	8.98	94.00	17	G	1,595,000	7,975,000	
52	DPM225425	Nguyễn Hậu Hữu	24/12/2004	DH23PM	8.81	96.88	20	G	1,595,000	7,975,000	
53	DPM225455	Huỳnh Nhựt Phát	12/03/2004	DH23PM	8.62	94.25	21	G	1,595,000	7,975,000	
54	DPM225411	Nguyễn Chánh Đăng	16/03/2004	DH23PM	8.14	85.50	20	G	1,595,000	7,975,000	

55	DPM225438	Nguyễn Phi Long	28/06/2004	DH23PM	7.97	93.13	21	K	1,450,000	7,250,000	
56	DPM225428	Trần Thanh Mỹ Kim	14/01/2004	DH23PM	7.89	68.50	17	K	1,450,000	7,250,000	
57	DPM225456	Trần Nam Phú	28/10/2003	DH23PM	7.86	65.13	17	K	1,450,000	7,250,000	
58	DPM225495	Lê Thanh Trúc	26/08/2003	DH23PM	7.40	73.25	17	K	1,450,000	7,250,000	
59	DTH225642	Lê Chí Hiếu	17/04/2004	DH23TH1	9.31	100.00	23	XS	1,740,000	8,700,000	
60	DTH225685	Châu Thị Ngọc Loan	09/02/2003	DH23TH1	9.04	100.00	22	XS	1,740,000	8,700,000	
61	DTH225657	Võ Thúy Huỳnh	19/10/2004	DH23TH1	8.91	100.00	22	G	1,595,000	7,975,000	
62	DTH225619	Đào Thị Mỹ Duyên	26/12/2004	DH23TH1	8.28	92.00	19	G	1,595,000	7,975,000	
63	DTH225636	Nguyễn Chí Hào	21/03/2003	DH23TH1	8.24	79.50	19	K	1,450,000	7,250,000	
64	DTH225757	Lê Hoàng Tuấn	07/09/2004	DH23TH2	9.06	100.00	19	XS	1,740,000	8,700,000	
65	DTH225770	Nguyễn Hoàng Thi	13/08/2004	DH23TH2	9.01	91.00	19	XS	1,740,000	8,700,000	
66	DTH225725	Huỳnh Phúc	27/02/2004	DH23TH2	9.11	89.25	19	G	1,595,000	7,975,000	
67	DTH225703	Đoàn Hữu Nghĩa	20/05/2004	DH23TH2	8.99	91.00	19	G	1,595,000	7,975,000	
68	DTH225740	Nguyễn Quang Sang	08/09/2002	DH23TH2	8.69	100.00	19	G	1,595,000	7,975,000	
69	DTH225708	Lê Hiệp Nguyên	05/11/2004	DH23TH3	9.36	100.00	19	XS	1,740,000	8,700,000	
70	DTH225649	Huỳnh Hà Huy	13/02/2004	DH23TH3	9.01	100.00	19	XS	1,740,000	8,700,000	
71	DTH225667	Nguyễn Văn Kiệt	14/09/2004	DH23TH3	8.91	95.00	19	G	1,595,000	7,975,000	
72	DTH225720	Lê Thị Kiều Oanh	05/09/2004	DH23TH3	8.60	88.50	19	G	1,595,000	7,975,000	
73	DTH225681	Lý Đình Anh Khương	24/01/2004	DH23TH3	8.49	95.75	19	G	1,595,000	7,975,000	
74	DPM235421	Dư Thị Trúc Hòa	12/10/2005	DH24PM	9.23	88.38	16	G	1,595,000	7,975,000	
75	DPM235434	Cao Yến Khoa	06/04/2005	DH24PM	8.60	98.38	16	G	1,595,000	7,975,000	
76	DPM235513	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	07/06/2005	DH24PM	8.58	83.50	16	G	1,595,000	7,975,000	

77	DPM235479	Nguyễn Văn Thắng	20/07/2005	DH24PM	8.41	84.38	16	G	1,595,000	7,975,000	
78	DPM235492	Trần Minh Trường	26/08/2005	DH24PM	8.39	84.75	16	G	1,595,000	7,975,000	
79	DPM235440	Nguyễn Trần Thùy Lam	10/12/2005	DH24PM	8.05	83.25	16	G	1,595,000	7,975,000	
80	DTH235658	Phan Thanh Hoài	08/12/2005	DH24TH1	9.25	99.63	16	XS	1,740,000	8,700,000	
81	DTH235617	Nguyễn Văn Chiến	20/07/2005	DH24TH1	9.01	90.13	16	XS	1,740,000	8,700,000	
82	DTH235659	Nguyễn Phi Hùng	08/04/2005	DH24TH1	8.45	99.13	16	G	1,595,000	7,975,000	
83	DTH235603	Bùi Nguyễn Chiêu Anh	15/08/2005	DH24TH1	8.38	92.13	16	G	1,595,000	7,975,000	
84	DTH235701	Nguyễn Thị Trà My	22/10/2005	DH24TH2	9.22	96.50	16	XS	1,740,000	8,700,000	
85	DTH235683	Trương Trung Kiên	03/09/2002	DH24TH2	9.18	100.00	16	XS	1,740,000	8,700,000	
86	DTH235712	Trần Trí Nhân	21/06/2005	DH24TH2	9.16	93.75	16	XS	1,740,000	8,700,000	
87	DTH235673	Nguyễn Hoàng Khang	13/02/2005	DH24TH2	9.31	81.25	16	G	1,595,000	7,975,000	
88	DTH235709	Phan Công Nhà	04/01/2005	DH24TH2	8.46	81.75	16	G	1,595,000	7,975,000	
89	DTH235818	Lê Thị Tường Vy	25/12/2005	DH24TH3	9.54	96.50	16	XS	1,740,000	8,700,000	
90	DTH235800	Võ Trình Thanh Trúc	13/07/2005	DH24TH3	9.36	97.88	16	XS	1,740,000	8,700,000	
91	DTH235785	Phan Thị Thanh Tiên	28/10/2005	DH24TH3	8.28	91.75	16	G	1,595,000	7,975,000	
92	DTH235810	Trần Thị Bích Tuyền	14/02/2005	DH24TH3	8.08	88.63	16	G	1,595,000	7,975,000	

Học bổng khoa đề xuất: 746,750,000

HỆ ĐẠI HỌC KHOA NÔNG NGHIỆP - TNTN

1	DTP232901	Châu Việt An	09/06/2005	DH24TP	9.12	90.63	16	XS	1,740,000	8,700,000	Nhóm V
2	DTP232955	Nguyễn Thị Diễm My	13/11/2005	DH24TP	9.01	92.88	16	XS	1,740,000	8,700,000	
3	DTP233023	Nguyễn Thị Kim Yên	13/04/2005	DH24TP	8.81	85.5	16	G	1,595,000	7,975,000	
4	DTP233004	Nguyễn Chanh Thy	28/06/2005	DH24TP	8.67	86.13	16	G	1,595,000	7,975,000	
5	DTP232990	La Huỳnh Hồng Sen	14/11/2005	DH24TP	8.41	84	16	G	1,595,000	7,975,000	

6	DTP232944	Trần Thị Ngọc Lam	13/08/2005	DH24TP	8.89	82	16	G	1,595,000	7,975,000	
7	DTP232995	Nguyễn Hoàng Thanh	12/09/2005	DH24TP	8.46	80.13	16	G	1,595,000	7,975,000	
8	DSH232780	Nguyễn Minh Trí	28/04/1996	DH24SH	9.51	99.38	16	XS	1,620,000	8,100,000	Nhóm IV
9	DSH232759	Ngô Quốc Thắng	28/11/2005	DH24SH	9.50	100.00	16	XS	1,620,000	8,100,000	
10	DSH232743	Nguyễn Tường Nhi	17/01/2004	DH24SH	8.55	86.5	16	G	1,485,000	7,425,000	
11	DSH232728	Vương Thục Khuê	07/08/2004	DH24SH	8.45	90.00	16	G	1,485,000	7,425,000	
12	DSH232754	Lâm Quang Sái	15/10/2004	DH24SH	8.37	100.00	16	G	1,485,000	7,425,000	
13	DSH232774	Nguyễn Huỳnh Trâm	25/08/2005	DH24SH	8.22	91.00	16	G	1,485,000	7,425,000	
14	DTS233755	Nguyễn Thành Trọng	19-05-2005	DH24TS	8.31	84.75	18	G	1,595,000	7,975,000	Nhóm V
15	DTS233736	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	31/10/2005	DH24TS	8.65	74.25	18	K	1,450,000	7,250,000	
16	DTS233734	Quách Diệu Nghi	16/02/2005	DH24TS	8.68	71.13	18	K	1,450,000	7,250,000	
17	DTS233748	Phạm Tấn Thịnh	14/8/2005	DH24TS	8.42	66.88	18	K	1,450,000	7,250,000	
18	DTY233822	Văng Công Trọng	25/05/2005	DH24TY	9.27	98.75	15	XS	1,740,000	8,700,000	
19	DTY233802	Nguyễn Phan Quỳnh Dao	17/06/2005	DH24TY	9.06	90.50	15	XS	1,740,000	8,700,000	
20	DTY233805	Phạm Vũ Hà	29/05/2005	DH24TY	8.97	88.88	15	G	1,595,000	7,975,000	
21	DCN233209	Phạm Thị Luyến	10/07/2005	DH24CN	8.81	90.63	18	G	1,595,000	7,975,000	
22	DCN233208	Lê Quang Khôi	15/06/2005	DH24CN	8.37	94.25	18	G	1,595,000	7,975,000	
23	DPN233640	Võ Dương Trọng	23/01/2005	DH24PN	7.45	90.88	16	K	1,450,000	7,250,000	
24	DAT233104	Bùi Phú Tân	27/05/2005	DH24AT	8.53	72.00	15	K	1,450,000	7,250,000	
25	DTT233323	Nguyễn Thị Thuý Nga	10/01/2005	DH24TT	8.04	73.25	17	K	1,450,000	7,250,000	
26	DTT233350	Trần Tiến	15/10/2005	DH24TT	7.37	81.00	17	K	1,450,000	7,250,000	
27	DTT233305	Đặng Thành Đạt	16/07/2005	DH24TT	7.74	86.13	17	K	1,450,000	7,250,000	

28	DBT233448	Lê Nguyễn Thái Nguyệt	23/10/2005	DH24BT	9.24	96.88	18	XS	1,740,000	8,700,000	
29	DBT233451	Huỳnh Như	01/01/2004	DH24BT	8.98	94.13	18	G	1,595,000	7,975,000	
30	DBT233417	Lâm Bảo Duy	19/10/2005	DH24BT	8.93	83	18	G	1,595,000	7,975,000	
31	DBT233423	Trần Thị Thanh Giang	21/11/2005	DH24BT	8.85	96.75	18	G	1,595,000	7,975,000	
32	DBT233442	Bùi Minh Nam	05/12/2005	DH24BT	8.94	71.5	18	K	1,450,000	7,250,000	
33	DBT233457	Võ Diệp Hoàng Phú	19/06/2005	DH24BT	8.32	74.88	18	K	1,450,000	7,250,000	
34	DTT223071	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên	02/06/2004	DH23TT	7.71	83.25	16	K	1,450,000	7,250,000	
35	DBT223182	Lê Trung Hậu	21/11/2004	DH23BT1	8.34	86.88	25	G	1,595,000	7,975,000	
36	DBT223191	Trần Quốc Kiệt	02/12/2004	DH23BT1	8.10	94.25	25	G	1,595,000	7,975,000	
37	DBT223203	Thái Ngọc Lễ	18/5/2004	DH23BT1	8.61	79.38	25	K	1,450,000	7,250,000	
38	DBT223161	Huỳnh Ngô Bảo Diệm	5/8/20004	DH23BT1	8.26	77.13	25	K	1,450,000	7,250,000	
39	DBT223178	Đặng Thị Hồng Gấm	06/12/2004	DH23BT1	8.14	76.75	25	K	1,450,000	7,250,000	
40	DBT223201	Nguyễn Đăng Khoa	17/10/2004	DH23BT1	7.87	79.13	25	K	1,450,000	7,250,000	
41	DBT223230	Lê Yên Nhi	26/03/2004	DH23BT2	7.94	90.25	25	K	1,450,000	7,250,000	
42	DBT223239	Cao Hoàng Phúc	17/10/2004	DH23BT2	8.73	100	25	G	1,595,000	7,975,000	
43	DBT223295	Đỗ Thanh Vy	06/08/2003	DH23BT2	7.9	92.38	25	K	1,450,000	7,250,000	
44	DCN223001	Nguyễn Thị Mỹ An	07/12/2004	DH23CN	8.43	91.25	27	G	1,595,000	7,975,000	
45	DCN223006	Nguyễn Thị Thu Hà	22/04/2004	DH23CN	8.83	93.88	27	G	1,595,000	7,975,000	
46	DTP222863	Nguyễn Thị Ngọc Ngân	26/11/2004	DH23TP1	8.88	98,13	23	G	1,595,000	7,975,000	
47	DTP222803	Bùi Thị Ngọc Anh	01/12/2004	DH23TP1	8.71	97,50	23	G	1,595,000	7,975,000	
48	DTP222802	Nguyễn Thị Thúy An	09/03/2004	DH23TP1	8.64	100,00	23	G	1,595,000	7,975,000	
49	DTP222866	Lê Hoàng Bảo Ngọc	13/02/2004	DH23TP1	8.51	92.13	23	G	1,595,000	7,975,000	

50	DTP222870	Đỗ Thị Yến Nhi	11/02/2004	DH23TP1	8.46	100.00	27	G	1,595,000	7,975,000	
51	DTP222885	Lê Thị Yến Oanh	20/01/2004	DH23TP2	8.63	94.38	23	G	1,595,000	7,975,000	
52	DTP222874	Nguyễn Thị Yến Nhi	04/07/2004	DH23TP2	8.53	83.38	23	G	1,595,000	7,975,000	
53	DTP222926	Lăng Thị Huệ Trân	07/08/2004	DH23TP2	8.34	95.88	27	G	1,595,000	7,975,000	
54	DTP222924	Trần Thị Thùy Trang	11/07/2004	DH23TP2	7.94	80.75	27	K	1,450,000	7,250,000	
55	DTP222939	Huỳnh Ngọc Như Ý	16/3/2004	DH23TP2	7.64	82.25	27	K	1,450,000	7,250,000	
56	DSH222758	Nguyễn Tấn Qui	06/10/2004	DH23SH	9.15	100.00	47	XS	1,620,000	8,100,000	Nhóm IV
57	DSH222734	Phan Thành Mẫn	26/05/2004	DH23SH	8.59	89.88	44	G	1,485,000	7,425,000	
58	DSH222733	Nguyễn Văn Lộc	07/12/2004	DH23SH	8.55	73.38	44	K	1,350,000	6,750,000	
59	DSH222727	Huỳnh Quốc Khánh	09/02/2004	DH23SH	8.53	78.63	44	K	1,350,000	6,750,000	
60	DSH222774	Võ Thị Hồng Thắm	27/10/2004	DH23SH	8.53	70.00	44	K	1,350,000	6,750,000	
61	DSH222722	Nguyễn Kim Hương	20/02/2004	DH23SH	8.38	77.75	47	K	1,350,000	6,750,000	
62	DTP213453	Nguyễn Hoàng Búp	27/06/2003	DH22TP	8.84	91.13	21	G	1,595,000	7,975,000	Nhóm V
63	DTP213526	Lê Phan Hoài Ngọc	17/07/2003	DH22TP	8.77	87.25	21	G	1,595,000	7,975,000	
64	DTP213602	Trần Kim Tuyền	11/03/2003	DH22TP	8.58	84.25	21	G	1,595,000	7,975,000	
65	DTP213612	Trương Thị Thanh Vân	08/08/2003	DH22TP	8.44	88.25	21	G	1,595,000	7,975,000	
66	DTP213551	Đào Ngọc Như Quỳnh	23/12/2003	DH22TP	8.42	92.13	21	G	1,595,000	7,975,000	
67	DTP213475	Nguyễn Thành Đạt	27/12/2003	DH22TP	8.41	90.50	21	G	1,595,000	7,975,000	
68	DTP213550	Trần Ngọc Quý	25/04/2003	DH22TP	8.30	92.88	21	G	1,595,000	7,975,000	
69	DTP213495	Nguyễn Hoàng Khang	29/12/2003	DH22TP	8.25	92.38	21	G	1,595,000	7,975,000	
70	DSH213210	Lý Quốc Anh	13/11/2003	DH22SH	9.03	100.00	20	XS	1,620,000	8,100,000	Nhóm IV
71	DSH213213	Võ Nhật Du	12/11/2003	DH22SH	9.22	99.63	20	XS	1,620,000	8,100,000	

72	DSH213250	Phạm Bảo Trân	10/11/2003	DH22SH	9.03	97.75	20	XS	1,620,000	8,100,000	
73	DBT213835	Huỳnh Hữu Lợi	02/12/2003	DH22BT	8.78	100	18	G	1,595,000	7,975,000	Nhóm V
74	DBT213838	Hà Chí Nguyên	21/11/2003	DH22BT	8.63	95.75	18	G	1,595,000	7,975,000	
75	DBT213852	Hồ Bảo Yên	04/04/2003	DH22BT	8.54	84.38	18	G	1,595,000	7,975,000	
76	DBT213849	Nguyễn Huỳnh Minh Trí	15/05/2003	DH22BT	8.54	88.38	18	G	1,595,000	7,975,000	
77	DBT213847	Lê Hoàng Thiện	02/11/2003	DH22BT	8.39	82.38	18	G	1,595,000	7,975,000	
78	DBT213821	Nguyễn Đức Huy	05/02/2003	DH22BT	8.37	96	18	G	1,595,000	7,975,000	
79	DBT213828	Nguyễn Phát Đạt	08/02/2003	DH22BT	8.31	91.25	18	G	1,595,000	7,975,000	
80	DBT213845	Đặng Thanh Tuấn	19/12/2003	DH22BT	8.28	96.13	18	G	1,595,000	7,975,000	
81	DBT213901	Dương Thanh Hoá	17/02/2003	DH22BT	8.08	84.75	18	G	1,595,000	7,975,000	
82	DTT213709	Trần Thanh Hiền	07/02/2003	DH22TT	8.16	100.00	20	G	1,595,000	7,975,000	
83	DTT213715	Nguyễn Trọng Khan	27/07/2003	DH22TT	7.96	99.25	20	K	1,450,000	7,250,000	
84	DPN214083	Nguyễn Thủy Tiên	29/08/2002	DH22PN	7.87	96	16	K	1,450,000	7,250,000	
85	DPN214093	Phan Văn Đại	17/04/2003	DH22PN	8.51	87.25	16	G	1,595,000	7,975,000	
86	DPN214106	Trần Lâm Quế Hương	26/12/2003	DH22PN	8.47	96.63	16	G	1,595,000	7,975,000	
87	DTS214185	Nguyễn Thanh Sang	14/11/2003	DH22TS	9.29	100.00	17	XS	1,740,000	8,700,000	
88	DTS214165	Lê Phạm Tuấn Khanh	15/02/2003	DH22TS	9.23	100.00	17	XS	1,740,000	8,700,000	
89	DTS214196	Lê Thị Kim Tuyền	11/11/2003	DH22TS	9.27	91,75	17	XS	1,740,000	8,700,000	
90	DTS214145	Huỳnh Thị Yến Như	25/09/2003	DH22TS	9.15	99,5	17	XS	1,740,000	8,700,000	
91	DTS214146	Đỗ Đại Phát	04/05/2003	DH22TS	9.04	95.75	17	XS	1,740,000	8,700,000	
92	DCN213662	Trần Thị Thanh Ngân	06/05/2003	DH22CN	7.69	89.25	17	K	1,450,000	7,250,000	
93	DCN213672	Huỳnh Thị Mỹ Tiên	12/06/2003	DH22CN	8.76	100.00	17	G	1,595,000	7,975,000	

94	DTT203354	Lê Nguyễn Hồng Duyên	08/02/2002	DH21TT	8.31	93.38	16	G	1,595,000	7,975,000	
95	DBT203575	Nguyễn Hữu Nhân	23/04/2002	DH21BT	8.61	97.13	19	G	1,595,000	7,975,000	
96	DBT203590	Trần Quốc Tính	24/12/2002	DH21BT	8.52	85.38	19	G	1,595,000	7,975,000	
97	DBT203583	Nguyễn Văn Thắng	28/01/2002	DH21BT	8.47	100	19	G	1,595,000	7,975,000	
98	DSH202712	Trần Thị Tuyết Mai	29/11/2002	DH21SH	9.18	100	16	XS	1,620,000	8,100,000	Nhóm IV
99	DTS204059	Nguyễn Duy Đăng	24/11/2002	DH21TS	9	84.13	18	G	1,595,000	7,975,000	Nhóm V
100	DCN203251	Nguyễn Văn Chiêu	28/01/2002	DH21CN	8.49	92.50	15	G	1,595,000	7,975,000	
101	DTP203060	Thái Thị Thủy Tiên	24/02/2002	DH21TP	8.60	88.13	15	G	1,595,000	7,975,000	
102	DTP203050	Cao Thị Phương	02/12/2002	DH21TP	8.54	96.50	15	G	1,595,000	7,975,000	
103	DTP203019	Phan Thị Cẩm Duyên	25/08/2002	DH21TP	8.40	84.00	15	G	1,595,000	7,975,000	
Học bổng khoa đề xuất:										805,950,000	

TỔNG CỘNG: Có 653 SV nhận học bổng HK I, năm học 2023 - 2024.

KHÁ:	91	Tổng chi:	4,694,325,000
GIỎI:	432	Tổng quỹ HB của toàn Trường/học kỳ:	4,840,840,000
XUẤT SẮC:	130	Còn lại:	146,515,000
TỔNG:	653		



HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
AN GIANG

Võ Văn Thắng

